TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày 28/4/2020
V/v: "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên toà: Trần Hoàng Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phụng Anh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*"

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 124/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị H, địa chỉ: Tổ B, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đắc H1, địa chỉ: Tổ T, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Võ Thị H và anh Nguyễn Đắc H1 trước đây là vợ chồng, kết hôn vào ngày 23/7/2011. Hai vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

Nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập các tài sản sau:

- Vợ chồng chị H anh H1 dành dụm nhiều lần mua được 3,4 cây vàng 9999. Số tiền này chị H đưa cho anh H1 chôn dưới chân giường cất giữ. Vào khoảng tháng 6 năm 2017, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị H về nhà bố mẹ chị để ở, nên số vàng này anh H1 đang giữ.

- Vợ chồng chị H anh H1 có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Sacombank: Năm 2015 gửi 40.000.000 đồng; năm 2016 gửi 20.000.000 đồng; đầu năm 2017 gửi 25.000.000 đồng. Tổng cộng 85.000.000 đồng.

Do trước đây chị H chỉ yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con, không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nay chị yêu cầu chia đôi số tài sản là 3,4 cây vàng 9999 và số tiền 70.000.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Đắc H1 trình bày: Từ khi cưới đến năm 2011, vợ chồng anh chị có sắm được 1 cây 05 chỉ vàng, sau đó anh đem cất nhưng bị mất hết. Việc mất vàng anh có nói cho vợ biết. Sau này vợ chồng sắm được 07 chỉ vàng, anh giao cho vợ hết. Số vàng 3,4 cây vàng 9999 mà chị H khai là không đúng và không có số vàng này.

Tại bản án sơ thẩm số 124/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H:

- Số tiền gửi tiết kiệm mà anh H1 đã rút tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thừa Thiên Huế 70.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Chị H được chia ½ số tiền này. Buộc anh Nguyễn Đắc H1 phải trả lại cho chị Võ Thị H 35.000.000 đồng.

- Bác yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H về việc chia tài sản là 3,4 cây vàng 9999.

2. Về án phí:

- Chị Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.754.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai số 7405 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà; chị H còn phải nộp 4.504.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Đắc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng.

Ngày 29/11/2019, anh Nguyễn Đắc H1 có đơn kháng cáo với nội dung sau: Kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo anh Nguyễn Đức H1 có ý kiến: Anh H1 không chấp nhận chia tài sản chung 70.000.000 đồng với lý do trong thời

gian hơn ba năm qua anh một mình nuôi con nên không còn để chia tài sản chung như ý kiến của chị H đã đưa ra. Nếu chia thì chia theo tỷ lệ anh H1 65 % và chị H là 35% tài sản.

Nguyên đơn chị Võ Thị H có ý kiến: Chị H cho rằng chị đã giao toàn bộ tài sản cho anh H1, Số tiền còn lại chị chỉ yêu cầu được nhận 35.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

Về việc tuân thủ tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục, về thời gian chuẩn bị xét xử, về thời gian chuyển hồ sơ vụ án, thu thập đầy đủ chứng cứ;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng như quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự, không có ai sai phạm gì để kiến nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Đề Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh H1. Tuy nhiên phần chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác yêu cầu chia tài sản chung của chị H là 3,4 cây vàng bốn số 9 thành tiền 140.080.000 đồng thì cần căn cứ vào điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xác định chị H không phải chịu án phí mới có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét kháng cáo về việc anh Nguyễn Đắc H1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án thấy rằng:

Nguyên đơn chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn bao gồm 3,4 cây vàng 9999 trị giá 140.080.000 đồng; 70.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác yêu cầu chia 3,4 cây vàng 9999 của chị H; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là chia số tiền 70.000.000 đồng mà anh H1 đứng tên gửi Ngân hàng, một người một nửa là 35.000.000 đồng. Về số tiền này anh H1 có lời khai không thống nhất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Công văn số 21/2019/CN-TTH của Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín-Chi nhánh Thừa Thiên Huế ngày 17 tháng 10 năm 2019 đã xác định anh H1 có tài khoản tiết kiệm tại Ngân hàng và các khoản tiền tiết kiệm này được tất toán như sau:

- Sổ tiết kiệm số 040043139276 (gửi vào năm 2015, số tiền 40.000.000 đồng) đã tất toán ngày 03/01/2018 với số tiền 45.455.574 đồng;

- Sổ tiết kiệm số 040049933497 (gửi vào năm 2016, số tiền 20.000.000 đồng) đã tất toán ngày 30/03/2017 với số tiền 20.543.645 đồng;

- Sổ tiết kiệm số 040054906376 (gửi vào năm 2017, số tiền 25.000.000 đồng) đã tất toán ngày 03/01/2018 với số tiền 26.125.859 đồng;

Như vậy anh H1 đã rút tổng cộng 92.125.051 đồng, trong đó ngày 03/01/2018, anh H1 đã rút tiền hai sổ tiết kiệm với số tiền là 71.581.406 đồng. Tại thời điểm rút tiền ngày 03/01/2018, vợ chồng anh H1 chị H đã không còn chung sống với nhau. Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng anh H1 chị H, anh H1 đã sử dụng số tiền này mà không có ý kiến của chị H. Riêng số tiền 20.543.645 đồng anh H1 đã rút trong thời gian chị H đang sống chung với anh H1 nên chị H không yêu cầu chia là có căn cứ. Bởi vậy, chị H chỉ yêu cầu chia 70.000.000 đồng trong tổng số tiền trên là phù hợp với pháp luật.

[2] Xét lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong việc chia tài sản chung: Các đương sự thuận tình ly hôn nên yếu tố lỗi của mỗi bên là ngang nhau.

[3] Xét công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung: Các bên đương sự không chứng minh công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung nên cần xác định sự đóng góp của các bên là ngang nhau.

[4] Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia đôi số tiền 70.000.000 đồng, mỗi người được một nửa là 35.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Xét yêu cầu của chị H về chia một nữa 3,4 cây vàng 9999 trị giá 140.080.000 đồng và yêu cầu này đã bị Tòa án cấp sơ thẩm bác phần yêu cầu chia tài sản chung phần này nên cần căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để sửa bản án sơ thẩm và xác định chị H không phải chịu án phí.

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản chung được chia là 1.750.000 đồng.

Anh Nguyễn Đắc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Anh H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm b khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đắc H1 về việc kháng cáo toàn bộ vụ án, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H:

- Số tiền gửi tiết kiệm mà anh H1 đã rút tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín - Chi nhánh Thừa Thiên Huế 70.000.000 đồng là tài sản chung của vợ

chồng. Chị H được chia ½ số tiền này là 35.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Đắc H1 phải trả lại cho chị Võ Thị H 35.000.000 đồng.

- Bác yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H về việc chia tài sản là 3,4 cây vàng 9999 trị giá 140.080.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai số 7405 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà; chị H được trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

- Anh Nguyễn Đắc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đắc H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng được giữ lại để bảo đảm cho việc thi hành án dân sự về khoản án phí sơ thẩm còn phải chịu (Biên lai số 007322 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế).

Về nghĩa vụ phải chịu lãi do người bị thi hành án chậm thanh toán, điều kiện thi hành án được thực hiện theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 124/2019/HNGĐ-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Hưng Bính

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- TAND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX.Hương Trà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Vp.